

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAO STUDIO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DAO STUDIO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110124590

**3. Ngày thành lập:** 20/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2 ngách 269/55 đường Đông Hội, thôn Đông Trù, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0394617607

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá hàng hoá                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                   | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                              | 4663     |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                            | 8230     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Căn cứ Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)                                                                                        | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động kiến trúc (theo Luật kiến trúc số 40/2019/QH14)</p> <p>Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án (Khoản 8 Điều 4 Luật Đấu thầu 43/2013/QH13);</li> <li>- Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (Điều 10 Nghị định 43/2014/NĐ-CP)</li> <li>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng (Điều 18 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 )</li> <li>- Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 70 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 )</li> <li>- Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng (Điều 86 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13)</li> <li>- Khảo sát xây dựng (Điều 77 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13)</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP);</li> <li>- Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP);</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng (Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP);</li> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 11 Nghị định 45/2015/NĐ-CP) -Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 79/2014/NĐ-CP)</li> </ul> | 7110(Chính) |
| 12. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7120        |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7320        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730 |
| 18. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8121 |
| 19. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8130 |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101 |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4102 |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4211 |
| 23. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4212 |
| 24. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4221 |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222 |
| 26. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4223 |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4229 |
| 28. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4291 |
| 29. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4292 |
| 30. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4293 |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4299 |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311 |
| 33. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4312 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4752 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐÀO THỊ THU<br>THẢO | Số 2 ngách<br>269/55 đường<br>Đông Hội, thôn<br>Đông Trù, Xã<br>Đông Hội, Huyện<br>Đông Anh, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.500         | 25.000.000               | 5,000        | 0011900511<br>29                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Tổng số                            | 2.500         | 25.000.000               | 5,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐÀO XUÂN<br>THÀNH   | Số 2 ngách<br>269/55 đường<br>Đông Hội, thôn<br>Đông Trù, Xã<br>Đông Hội, Huyện<br>Đông Anh, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 90,000       | 0010860024<br>34                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                               | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 90,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                    |                                    |       |            |       |                  |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|------------------|
| 3 | TỔNG THU<br>VÂN | 11 ngách 477/28<br>Kim Mã, Phường<br>Ngọc Khánh,<br>Quận Ba Đình,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.500 | 25.000.000 | 5,000 | 0011920384<br>34 |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                    | Tổng số                            | 2.500 | 25.000.000 | 5,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO XUÂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086002434

Ngày cấp: 05/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 2 ngách 269/55 đường Đông Hội, thôn Đông trù, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 2 ngách 269/55 đường Đông Hội, thôn Đông trù, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội